

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2017/HSST
Ngày: 21/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm;
2. Bà Hồ Thị Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 168/2016/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng N (tên gọi khác: NK), sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Dương; nơi ĐKNKTT: 3/2 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: 103/33 khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: rửa xe; trình độ văn hoá: 05/12; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Lưu Thị G, sinh năm 1960; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Chấp hành xong án phạt tù ngày 04/02/2015 (chưa được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2016 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1996; chỗ ở: 14/3A khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.
2. Bà Trương Thị T, sinh năm 1978; chỗ ở: 84D tổ 5, khu phố V, phường T, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1993; chỗ ở: Thôn 2B, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
4. Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1987; chỗ ở: 196 khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thới Đ, sinh năm 1993; chỗ ở: 55A khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1996; chỗ ở: 1/121 khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1979 và bà Triệu Thị T, sinh năm 1976; cùng chỗ ở: 35/5 khu phố V, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Phạm Đình H, sinh năm 1988; chỗ ở: 41 khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Trương Hữu T, sinh năm 1992; chỗ ở: 78/5 khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; chỗ ở: Khu phố I, phường T, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1997; chỗ ở: 103 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

8. Bà Lưu Thị G, sinh năm 1960; chỗ ở: 103/33 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Trọng N bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bản thân Nguyễn Trọng N không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài, N đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 14/11/2016, Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu xanh, biển số 61C1-369.07 chạy trong khu dân cư thuộc khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi N điều khiển xe chạy đến đoạn đường gần quán ăn T, thuộc khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì phát hiện bà Lê Thị K, đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Nouvo 5, màu trắng, biển số 37G1- 660.93 lưu thông ngược chiều, trên người bà K có mang theo 01 túi xách. Lúc này, N điều khiển xe quay vòng lại chạy theo sau, áp sát và dùng tay giật lấy túi xách của bà K (bên trong có 01 cái bóp da màu trắng, số tiền 90.000đồng, các giấy tờ tùy thân mang tên Lê Thị K) làm bà K bị té xuống đường, xe mô tô của N khi va chạm với xe của bà K thì bị rớt biển số xe 61C1-369.07 xuống đường. Sau khi giật được giỏ xách, N điều khiển xe cùng tài sản chiếm đoạt được chạy về nhà. Bà K được đưa đi cấp cứu và bị thương tích như sau: Xây sát da vùng mặt trước, cổ chân trái 4 x 5 cm, sưng vùng vai trái, gãy đầu ngoài xương đòn trái.

Ngay sau khi nhận được tin báo, cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ phương tiện, vật chứng và lấy lời khai người bị hại, người làm chứng để phục điều tra. Ngày 18/11/2016 Cơ quan CSĐT Công an thị xã T ra lệnh bắt

khẩn cấp đối với Nguyễn Trọng N về hành vi Cướp giật tài sản, tạm giữ để điều tra làm rõ hành vi phạm tội. Đồng thời qua khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Trọng N tại địa chỉ số nhà 103/33 khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, thu giữ được 01 thẻ thành viên AEON số 10011273320000 của bà Lê Thị K, 01 (một) áo khoác vải màu đen, bên cánh tay trái có sọc ghi chữ PUMA; 01 (một) quần vải màu xám đen ống dài; 01 (một) nón bảo hiểm màu tím có 03 sọc của N.

Ngày 08/12/2016, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận giá trị tài sản gồm: 01 cái túi xách màu trắng xám là 130.000đồng (một trăm ba mươi ngàn đồng), 01 cái bóp da màu trắng là 40.000đồng (bốn mươi ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà K có giá trị là 260.000.000đồng.

Trong quá trình điều tra, N khai nhận ngoài vụ cướp giật tài sản của bà K thì N còn thực hiện 03 vụ cướp giật của những người khác như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ, ngày 18/3/2016, Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu xanh, biển số 61C1-369.07 lưu thông trên tuyến Quốc lộ 13 từ hướng thành phố T về phường L, thị xã T, khi đến đoạn đường gần Siêu thị Lotte, thuộc khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương phát hiện ông Nguyễn Văn C đang điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Nouvo 4, biển số 83P1-003.44 chở bà Trương Thị T, lúc này bà T đang ôm 01 túi xách để ở trước bụng. Bị can N điều khiển xe chạy theo sau, áp sát và dùng tay giật lấy túi xách của bà T, bên trong có 01 điện thoại di động Nokia (Trung Quốc sản xuất), các giấy tờ tùy thân mang tên Trương Thị T, sau đó điều khiển xe cùng tài sản chiếm đoạt được chạy về nhà.

Ngày 02/3/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận giá trị tài sản gồm: 01 túi xách bằng da màu xám là 50.000đồng (năm mươi ngàn đồng), 01 điện thoại di động Nokia Trung Quốc là 800.000đồng (tám trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà T có giá trị là 850.000đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 09 giờ, ngày 09/11/2016, Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu xanh, biển số 61C1-369.07 lưu thông đến ngã ba S thuộc phường L, thị xã T phát hiện bà Trần Thị Ngọc M, đang điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, biển số 61Z2-3187 trên người có mang theo túi xách. Bị can N điều khiển xe chạy theo sau, khi vừa qua cầu S, thuộc khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì N áp sát và dùng tay giật lấy túi xách của bà M (bên trong gồm các giấy tờ tùy thân mang tên Trần Thị Ngọc M, số tiền 30.000đồng), sau đó điều khiển xe chạy về nhà.

Ngày 08/12/2016, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 túi xách màu xanh dương có trị giá là 100.000đồng (một trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà M có giá trị là 130.000đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 07/8/2016, Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu xanh, biển số 61C1-369.07 lưu thông trên tuyến Quốc lộ 13 từ hướng thành phố T về phường L, thị xã T. Khi đến đoạn đường gần Siêu thị A, thuộc khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, phát hiện bà Hoàng Thị H đang đeo 01 giỏ xách đi bộ trên lề đường cùng với bạn tên T (không rõ lai lịch). Bị can N điều khiển xe chạy đến, áp sát và dùng tay giật lấy giỏ xách (bên trong gồm có số tiền 500.000đồng, 01 cục sạc điện thoại và các giấy tờ tùy

thân mang tên Hoàng Thị H), sau đó điều khiển xe cùng tài sản chiếm đoạt được chạy về nhà.

Ngày 25/5/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã T kết luận giá trị tài sản gồm: 01 giỏ xách bằng da màu đen là 80.000đồng (tám mươi ngàn đồng), 01 cục sạc điện thoại dự phòng là 40.000đồng (bốn mươi ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà H có giá trị là 620.000đồng.

Toàn bộ số tài sản bị cáo N sau khi chiếm đoạt được đã sử dụng như sau: Số tiền mặt chiếm đoạt được 620.000đồng đã tiêu xài hết; điện thoại di động Nokia N bán cho đối tượng tên T (không rõ lai lịch) với giá 200.000đồng; túi xách, thẻ ATM và các giấy tờ khác thì N ném ở ngoài nghĩa địa phía trước nhà (đã được Cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án).

Quá trình điều tra xác định được bị can Nguyễn Trọng N còn thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau: Khoảng 03 giờ ngày 17/7/2016 bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1986, đăng ký HKTT: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 61G1-450.64 lưu thông trên tuyến đường từ hướng ngã tư Đ về ngã tư P. Khi đến trước nhà nghỉ S, thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bị can Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, biển số 61C1-369.07 áp sát dùng tay giật 01 túi xách bên trong có: 01 (một) thẻ ngân hàng HSBC; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 Ipad Mini 2; 01 điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy; số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), rồi tăng ga bỏ chạy thoát.

Trên cơ sở các tài liệu điều tra thu thập được, Cơ quan CSĐT - Công an thị xã T đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với bị can Nguyễn Trọng N về tội Cướp giật tài sản, để điều tra.

Bản cáo trạng số 190/QĐ/KSĐT ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng, kiểm sát viên nêu lên các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù;

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo N khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Trong Khoảng thời gian từ ngày 18/3/2016 đến ngày 18/11/2016, bị cáo Nguyễn Trọng N sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để 04 lần thực hiện hành vi giật tài sản của bà Lê Thị K, Trương Thị T, bà Hoàng Thị H và bà Trần Thị Ngọc M trên địa bàn phường B và phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại có giá trị là 1.860.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân có tài sản đang lưu thông trên đường, hành vi đó không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, mà còn ảnh hưởng đến việc tham gia giao thông trên đường đối với người khác, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi nhanh chóng giật lấy tài sản rồi tẩu thoát làm người bị hại trở tay không kịp để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện và mong muốn chiếm đoạt bằng được tài sản của người bị hại. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hành vi của bị cáo N giật tài sản là 01 giỏ xách bên trong có: 01 (một) thẻ ngân hàng HSBC, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank cùng mang tên Trần Thị Bích L; 01 Ipad Mini 2; 01 điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy; số tiền 5.000.000 đồng của bà Trần Thị Bích L vào ngày 17/7/2016, tại trước nhà nghỉ S, thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được Cơ quan CSĐT Công an thị xã T thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để xử lý theo thẩm quyền.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi giật tài sản của những người bị hại là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần; ngoài ra bị cáo là người đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Các tình tiết trên là thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, trong số những người bị hại chỉ có bà Trương Thị T yêu cầu bị cáo N phải bồi thường 850.000 đồng và bà Trần Thị Ngọc M yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho những người bị hại nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường. Ngoài ra, bị cáo còn chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị K và bà Hoàng Thị H, tuy nhiên trong quá trình điều tra bà K và bà H không yêu cầu bị cáo bồi thường, đây là sự tự nguyện của người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, số khung 007060, số máy 5C6J-007063, biển số 61C1-369.07 thu giữ trong vụ án. Quá trình điều tra xác định: Ông Nguyễn Thới Đ, sinh năm 1993, đăng ký Hộ khẩu thường trú: Khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương mua vào tháng 8 năm 2013 và

đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 18/7/2015, ông Đ đem chiếc xe mô tô trên đến tiệm dịch vụ Cầm đồ T, địa chỉ khu phố H, phường T, thị xã T, do ông Trần Văn H làm quản lý làm hợp đồng thế chấp tài sản với số tiền 8.000.000đồng. Do quá hạn, ngày 24/9/2016, ông H thanh lý, bán chiếc xe mô tô biển số 61C1-369.07 với giá 10.000.000đồng cho tiệm cầm đồ N, địa chỉ Khu phố V, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1979 làm chủ. Ngày 05/10/2015, ông P bán chiếc xe trên cho ông Phạm Đình H với giá 11.000.000đồng. Ngày 27/11/2015, ông H bán chiếc xe mô tô biển số 61C1-369.07 cho ông Trương Hữu T với giá 12.500.000đồng. Sau đó, ông T bán chiếc xe trên cho bị cáo Nguyễn Trọng N với giá 10.000.000đồng. Hiện nay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến chiếc xe xác định không còn liên quan và cũng không có yêu cầu gì đối với chiếc xe này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại thời điểm thực hiện tội phạm, chiếc xe mô tô biển số 61C1-369.07 là thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo nhưng bị cáo đã sử dụng tài sản của mình làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.500.000đồng mà bị cáo N đã cầm xe cho ông Nguyễn Văn Đ, trong quá trình điều tra, ông Đ tự nguyện không yêu cầu bị cáo N trả lại, đây là sự tự nguyện của ông Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với biển số xe 52Y1-3993 hiện không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) áo khoác vải màu đen, bên cánh tay trái có sọc ghi chữ PUMA; 01 (một) quần vải màu xám đen ống dài; 01 (một) nón bảo hiểm màu tím có 03 sọc. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo N và được bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi Cướp giật tài sản vào ngày 14/11/2016. Bị cáo N không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) túi xách da màu trắng xám; 01 (một) bóp da màu trắng, 03 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, Vietcombank, Viettinbank tên Lê Thị K, 01 (một) thẻ thành viên AEON số 10011273320000 và 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị K thuộc sở hữu của bà Lê Thị K. Bà K không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) túi da màu xanh dương, thẻ thành viên quỹ tín dụng, 01 Chứng minh nhân dân phổ thông, 01 bản sao Giấy khai sinh, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ bảo hiểm phúc lợi tất cả đều mang tên Trần Thị Ngọc M. Quá trình điều tra xác định các vật chứng trên thuộc sở hữu của bà Trần Thị Ngọc M, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và giao trả lại cho bà M là phù hợp.

Đối với vật chứng là 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank tên Trương Thị T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và giao trả lại cho bà T là phù hợp.

Đối với vật chứng là 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Tuyết T, qua điều tra, bà T trình bày không bị cướp giật tài sản gì và bị rơi mất giấy CMND từ khoảng năm 2013 khi đi trên đường, hiện bà T đã làm lại giấy CMND mới, không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) giỏ xách bằng da màu xám; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Thị H. Bà H không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là 02 (hai) cây mã tấu tự chế kích thước 60 cm được thu giữ. Quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với các thương tích của bà Lê Thị K khi N thực hiện hành vi giật tài sản của bà K gây nên. Bà K đã tự nguyện viết đơn từ chối giám định và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội cướp giật tài sản.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng N 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 591 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Thị T 850.000đồng và bà Trần Thị Ngọc M 30.000đồng.

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ 01 xe mô tô hai bánh, mang biển số 61C1-369.07, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius-5C6J, dung tích xi lanh: 110cm³, số khung: RLCS5C6J0DY007060; số máy: 5C6J-007063.

Tịch thu tiêu hủy biển số xe 52Y1-3993.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác vải màu đen, bên cánh tay trái có sọc ghi chữ PUMA; 01 (một) quần vải màu xám đen ống dài; 01 (một) nón bảo hiểm màu tím có 03 sọc.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi xách da màu trắng xám; 01 (một) bóp da màu trắng; 01 (một) thẻ thành viên AEON số 10011273320000; 03 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, Vietcombank, Viettinbank, 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị K.

Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Tuyết T.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) giỏ xách bằng da màu xám; 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị H, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Thị H.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) cây mã tấu tự chế kích thước 60 cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2017 giữa Công an thị xã T và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thiệu Văn Kết Em